

NỘI DUNG ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

I. Vocabulary (Từ vựng):

- Letters: K, L, M
- Words: kitchen, kite, sky, monkey, lion, school, hill, moon, mother, mop, mango.

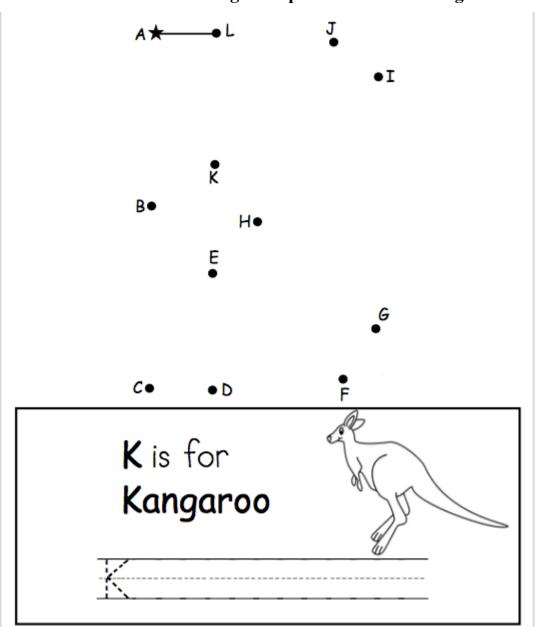
II. Structure (Cấu trúc câu):

- What's your name?
 - My name's Hoang.
- How old are you?
 - I'm six.
- Is it a lion?
 - Yes, it is/ No, it isn't.
- What's this/ that?
 - This/ That is a monkey.

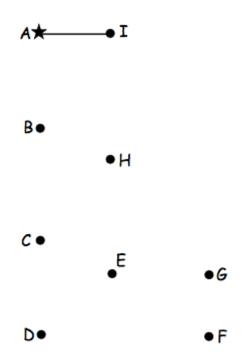


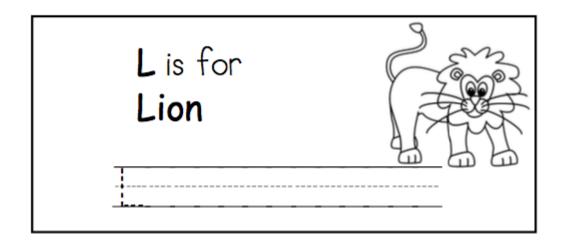
EXERCISE (BÀI LUYỆN TẬP)

Draw the line following the alphabet/ Nối theo bảng chữ cái.

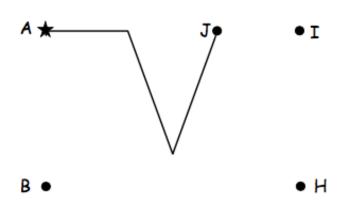




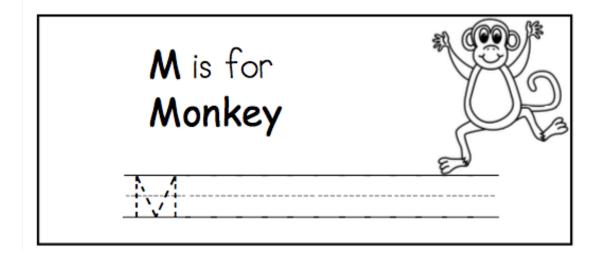








E C • D F • • 6





Look, read and circle the correct pictures (Khoanh tròn vào tranh đúng).

	• `	8/
1. This is a lion .		
2. It's a blue sky .		
3. The moon is yellow.		
4. It's my mother .		
5. I like mango .		
6. That's my school .		

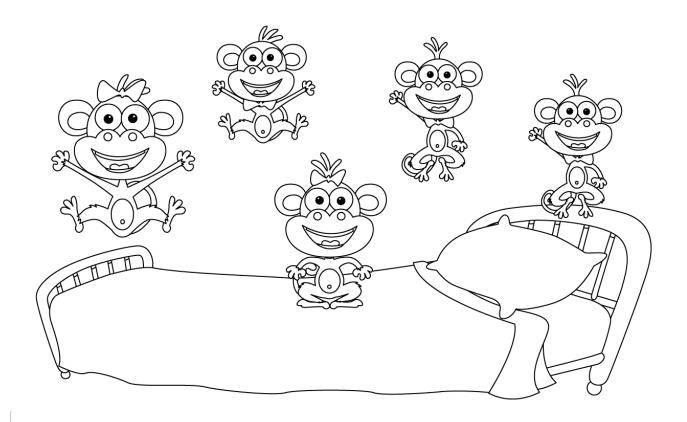


3 Look and read. Put a tick (♥) or a cross (\boxtimes) in a box (Đánh dấu tick ♥ vào ô đúng và dấu nhân \boxtimes vào ô sai).

1. This is my kitchen.	
2. I like mango.	
3. That is a lion.	
4. The kite is flying in the sky.	
5. This is my father.	



4 Color the picture then write down the name of animals (Tô màu bức tranh và viết tên của loài vật).



They are